

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long ngày 24/6/2025; Biên bản đánh giá ngày 27/6/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300698223.

Địa chỉ: Số 161 Ngô Sĩ Liên, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0914081889.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 161 Ngô Sĩ Liên, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 47.001**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 1701/SXD-CL&VL ngày 28/8/2023 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi và có hiệu lực đến ngày 28/8/2028./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, PGD (N.H Hồng);
- Lưu VT, CL&VL (VT).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hồng

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 47.001

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 6 năm 2025
của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	THÍ NGHIỆM PHỤ GIA DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA	
1	Thí nghiệm điểm chớp cháy	JIS K 2265
2	Thí nghiệm nhiệt độ hoá mềm	JIS K 2207
	THÍ NGHIỆM TẤM LƯỚI SỨC KHÁNG CAO	
3	Cường độ chịu kéo dọc	EN 10223-3
4	Lực đâm thủng cực hạn; Độ dịch chuyển tại 50kN; Độ dịch chuyển đâm thủng cực hạn	UNI 11437
	SƠN VÀ VECNI	
5	Phơi sáng nhân tạo trong thiết bị sử dụng đèn huỳnh quang UV	ISO 16474-3
	TẤM XÓP CÁCH NHIỆT	
6	Hệ số dẫn nhiệt (K-Value)	ASTM C518
7	Độ thấm nước	ASTM C272
8	Cường độ uốn	ASTM C203
	BÊ TÔNG NHỰA - ÁO ĐƯỜNG MỀM	
9	Xác định tham số giao thông; Xác định các đặc trưng tính toán của vật liệu các kết cấu; Xác định tính modun đàn hồi và ứng suất kéo uốn của hệ hai lớp; Xác định bề dày tối thiểu của tầng mặt cấp cao A1.	TCCS 338-2022
10	Thí nghiệm tỷ trọng khối	AASHTO T275
	THÍ NGHIỆM ỐNG HDPE	
11	Thí nghiệm xác định độ hấp thụ nước	TCVN 10521:2014
	THÍ NGHIỆM DÂY, CÁP ĐIỆN, DÂY NGUỒN	
12	Dây điện bọc nhựa PVC: đo chiều dày và kích thước, tính chất vỏ bọc cách điện, độ bền điện áp, điện trở cách điện	IEC 60227:2001; IEC 331; BS6387
	THÍ NGHIỆM ỐNG; PHỤ KIỆN PPR VÀ PHỤ KIỆN uPVC	
13	Kích thước cơ sở; Áp suất làm việc; Độ bền va đập	DIN 8077:2008; DIN 8078:2008; ISO 4422; DIN 19532



STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	VẬT LIỆU KIM LOẠI	
14	Kiểm tra va đập thanh khía của vật liệu kim loại	ASTM E 23
15	Kiểm tra cấu trúc tế vi	TCVN 3902:1984, ISO 945-1:2019, ASTM E3-17, ASTM E407-15, ASTM E562-19, ASTM E112-13, JIS G 0551:2020, ASTM A923; AWS D1.1: 2020; ASME IX: 2023;
16	Thử nghiệm bẻ gãy mối hàn	AWS D1.1: 2020; ISO 15614-1:2017; ASME IX :2021; ISO 9606:2012; API 1104: 2018;
17	Thử nghiệm phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại — Kiểm tra vĩ mô và hiển vi mối hàn	ISO 17639:2013
18	Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn cho kim loại và hợp kim khắc vĩ mô	ASTM E340-15
19	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy	DNV C401: 2023
20	Thử nghiệm ăn mòn tinh giới trong thép không gỉ	ASTM A262
21	Xác định hàm lượng Ferrit	ASTM E562, AWS A 4.2-2006
	NHỰA PVC	
22	Khả năng chống mài mòn	ASTM D1242
23	Lực căng mắt lưới theo trục mắt xoắn	ASTM A975
	VẬT LIỆU RỌ ĐÁ	
24	Kích thước mắt lưới; Đường kính dây thép; Sai số cho phép	TCVN 10335:2014
25	Khối lượng lớp mạ kẽm	BS EN 10244-2
	TÁM TRẢI CHỐNG THẤM TRÊN CƠ SỞ BITUM BIẾN TÍNH	
26	Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt, xác định độ bền chọc thủng động, Xác định độ nhiệt, Xác định độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9066:2012
	GIA CỐ ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG NEO	
27	Xác định cường độ kéo nhỏ Đóng đinh đất	BS EN 14490:2010

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT	
28	Hàm lượng nhóm đuôi Carboxyl	GRI GG7 ASTM D7409
29	Mật độ phân tử	GRI GG8 ASTM D4603
30	Hệ số suy giảm do từ biến; Cường độ từ biến tại	ISO 7523; ASTM D2369; ASTM D1186; TCVN 8653:1-5:2024
31	Hệ số suy giảm do thi công	TCVN 2309:2012
32	Hệ số suy giảm độ bền	TCVN 13950-1-7:2024
	BĂNG THOÁT NƯỚC	
33	Khối lượng trên một đơn vị diện tích	NF EN ISO 9864
34	Độ dày	NF EN ISO 9863-1
35	Sức kháng đâm thủng hình nón	NF G 38-019
36	Công suất dòng chảy trong mặt phẳng (ống nhỏ)	NF EN ISO 12958
	MÀNG CHỐNG THẤM TỰ DÍNH HDPE	
37	Khối lượng trên một đơn vị diện tích	ASTM D3776
38	Khả năng kháng đâm thủng	ASTM E154
39	Tính mềm dẻo ở nhiệt độ thấp	ASTM D1970
40	Độ bám dính chồng mí ở 23°C	ASTM D1876

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.